CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (15 Công ty)	Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (15 Công ty)
1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	1		**169,429,767,722**	**418,879,169,010**	**1,223,284,348,933**	**1,746,720,898,760**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		365,274,554	154,145,406	3,379,437,377	1,178,454,301
3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10	VI.19	**169,064,493,168**	**418,725,023,604**	**1,219,904,911,556**	**1,745,542,444,459**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	112,981,204,146	341,038,814,997	999,807,596,361	1,477,292,377,139
5. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		**56,083,289,022**	**77,686,208,607**	**220,097,315,195**	**268,250,067,320**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	2,620,747,606	1,958,357,631	5,742,678,442	8,457,718,585
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	34,338,412,966	41,923,175,000	155,369,633,587	179,551,344,257
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*33,982,803,213*	*40,604,233,242*	*145,279,101,791*	*174,078,599,681*
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	3,138,115,688	1,586,949,744	10,323,407,239	13,123,256,948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	17,540,442,097	17,995,618,586	53,621,493,438	63,490,391,397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**3,687,065,878**	**15,138,822,908**	**6,525,459,374**	**20,542,793,303**
11. Thu nhập khác	31	VI.25	2,937,950,888	4,660,945,845	12,713,431,039	20,791,590,945
12. Chi phí khác	32	VI.26	4,337,359,196	4,459,775,840	14,444,707,790	18,447,615,077
13. Lợi nhuận khác	40		**(1,399,408,308)**	**201,170,005**	**(1,731,276,751)**	**2,343,975,868**
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			**(622,623,744)**	**(1,044,289,701)**	**(1,179,504,335)**	**(3,627,505,774)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1,665,033,825**	**14,295,703,212**	**3,614,678,288**	**19,259,263,397**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		544,682,057	1,902,252,034	2,001,386,253	3,356,054,059
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3,899,196	-	(840,061,443)	7,804,044
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**1,116,452,572**	**12,393,451,178**	**2,453,353,478**	**15,895,405,294**
17. Lợi ích của cổ đông thiểu số			**(32,671,822)**	**740,169,103**	**(529,701,999)**	**(758,539,088)**
17. **Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ**			**1,149,124,394**	**11,653,282,075**	**2,983,055,477**	**16,653,944,382**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	**70**	VI.27	**19**	**330**	**62**	**482**

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 05 tháng 11 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Đỗ Ngọc Nam	Nguyễn Ngọc Lễ	Võ Trường Thành